

Bản án số: 39/2024/DS – ST

Ngày: 03- 7 -2024

"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đỗ Thị Ngoãn và bà Trần Thị Chín

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Trương Doanh D, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

-Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1975; Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm: 1972. Cùng cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/20223, nguyên đơn bà Trương Doanh D, và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Ngày 24/4/2015, bà Trương Doanh D (tên thường gọi Lập D) có cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Hồ Thị Thu H vay số tiền là 52.000.000đ (Năm

mười hai triệu đồng), khi vay có giấy tờ viết tay, các bên thỏa thuận vay trong 07 tháng thì ông A bà H sẽ trả số tiền trên, lãi suất thỏa thuận miệng. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông A bà H không trả cho bà D. Bà D đã liên hệ nhiều lần nhưng ông A bà H vẫn không trả nợ đã vay. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông A bà H trả cho bà D số tiền vay gốc là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), lãi phát sinh từ ngày 24/11/2015 đến ngày 04/7/2023 là 07 năm 07 tháng 10 ngày, với mức lãi suất 1.125%/tháng thì tổng số tiền lãi phải trả là 48.438.000đ (Bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông A bà H phải trả là 100.438.000đ (Một trăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- *Tại bản tự khai ngày 05/4/2024, bị đơn bà Hồ Thị Thu H trình bày:*

Vợ chồng bà có mua bán điều với bà Trương Doanh D, sau nhiều lần mua bán trả không hết thì đến ngày 24/4/2015 chốt lại tổng số tiền mà chúng tôi còn nợ bà D là 52.000.000đ. Vợ chồng tôi có ký vào giấy vay tiền hẹn 07 tháng sau sẽ trả nhưng hoàn cảnh khó khăn nên chúng tôi chưa trả được. Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ 52.000.000đ, số tiền lãi phải trả là 48.438.000đ, tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả là 100.438.000đ. Vợ chồng bà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Phương thức trả nợ là trả theo tháng, mỗi tháng trả 10.000000đ (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Bà Hồ Thị Thu H nộp đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc A vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông A bà H trả cho bà D số tiền vay gốc là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), lãi phát sinh từ ngày chậm trả 24/11/2015 đến ngày khởi kiện là 04/7/2023 là 07 năm 07 tháng 10 ngày, với mức lãi suất 1.125%/tháng thì tổng số tiền lãi phải trả là 48.438.000đ (Bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi yêu cầu ông A bà H phải trả cho bà D là 100.438.000đ (Một trăm triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:* Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông A bà H phải trả nguyên đơn bà D tổng số tiền nợ gốc và lãi là 100.438.000đ (Một trăm triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Doanh D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1975 và Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm: 1972 cùng cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền vay gốc là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), lãi phát sinh từ ngày 24/11/2015 đến ngày 04/7/2023 là 07 năm 07 tháng 10 ngày, với mức lãi suất 1.125%/tháng thì tổng số tiền lãi phải trả là 48.438.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu ông A bà H phải trả tổng số tiền nợ gốc 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng):

Xét thấy, căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 24/4/2015 có nội dung: ông A bà H có vay bà D số tiền 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 24/4/2015 đến ngày 24/11/2015, ông A bà H ký tên bên vay trong giấy vay tiền này, tại bản tự khai ngày 05/4/2024 thì bị đơn bà H cũng xác nhận vợ chồng bà (bà và ông A) có nợ bag Doanh số tiền 52.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông A bà H không trả tiền cho bà D số tiền nào. Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Như vậy, đến hạn trả nợ vào ngày 24/11/2015, bị đơn ông A bà H không trả đầy đủ số tiền vay cho bà D là ông A bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu ông A bà H phải trả số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận. Cần buộc bị đơn ông A bà H phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà D số tiền nợ gốc 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn ông A bà H phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 52.000.000đ với mức lãi suất 1.125%/tháng kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày 04/7/2023 là 48.438.000đ.

Căn cứ giấy vay tiền ngày 24/4/2015 hai bên không có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên các bên có thỏa thuận miệng với nhau, theo bà D là thỏa thuận lãi suất 1.125%/tháng, tại bản tự khai ngày 05/4/2024 thì bị đơn bà H đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu nguyên đơn. Căn cứ Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của thống đốc ngân hàng nhà nước, theo đó lãi suất cơ bản của đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Phía nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày 04/7/2023 là 48.438.000 đồng là phù hợp cần chấp nhận.

Như vậy, cần buộc bị đơn ông A bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn bà D số tiền gốc và tiền lãi là 52.000.000đ + 48.438.000đ = 100.438.000đ (Một trăm triệu, bốn trăm, ba mươi tám nghìn đồng).

[3] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Doanh D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc A bà Hồ Thị Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trương Doanh D số tiền gốc và lãi tổng cộng là 100.438.000đ (Một trăm triệu, bốn trăm, ba mươi tám nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc A bà Hồ Thị Thu H phải nộp 5.021.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho bà Trương Doanh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.511.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001320 ngày 02/11/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà